

# ẢNH HƯỞNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC GIÁ TRỊ TÔN GIÁO ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ

**Ngô Văn Lệ**

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn  
Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*

## TÓM TẮT

*Tôn giáo là một hiện tượng văn hóa xã hội. Các tôn giáo ra đời trong những điều kiện lịch sử và xã hội cụ thể. Các cộng đồng dân cư tiếp nhận các tôn giáo phần lớn do quá trình giao lưu tiếp xúc. Tiếp nhận tôn giáo là tiếp nhận những giá trị văn hóa mới góp phần làm phong phú văn hóa của chính cộng đồng dân cư đó, bởi vì, mỗi tôn giáo đều có giáo luật, giáo lý quy định các hành vi ứng xử của chức sắc, tín đồ đối với môi trường tự nhiên, xã hội nơi cộng đồng tín đồ đó sinh sống. Trải qua hàng ngàn năm, những hành vi ứng xử đó đã trở thành thói quen làm nên những sắc thái văn hóa riêng. Nam Bộ Việt Nam là địa bàn có nhiều tôn giáo, bao gồm những tôn giáo thế giới và các tôn giáo bản địa (tôn giáo dân tộc) một mặt, góp phần làm phong phú văn hóa người Việt, mặt khác, lại có tác động chi phối đến đời sống mọi mặt của người Việt Nam Bộ. Bài viết của chúng tôi trình bày về ảnh hưởng và tác động của giá trị tôn giáo đối với đời sống xã hội vùng Nam Bộ, bao gồm các cộng đồng dân cư sinh sống nơi đây.*

**Từ khóa:** tôn giáo, đời sống, xã hội, Nam Bộ

\*

Tôn giáo thuộc thế giới tâm linh và đời sống tinh thần, nó có sức hấp dẫn thần bí. Tiến trình của tôn giáo tương quan mật thiết với sự phát triển của nhân loại. Sự tồn tại của tôn giáo cho đến ngày nay vẫn có ảnh hưởng rộng lớn và sâu sắc đối với nhiều người trên thế giới. Khi nói về chức năng của tôn giáo, trong cuốn *Phát hiện Ấn Độ*, J. Nehru đã viết: “Rõ ràng là tôn giáo đã đáp ứng một nhu cầu trong tính con người và đa số rộng lớn con người trên thế giới đều không thể không có một dạng tín ngưỡng nào đó... Tôn giáo đã đưa ra một loại giá trị cho cuộc sống của con người, mặc dù một số chuẩn mực ngày nay không còn được áp dụng, thậm chí còn tai hại những chuẩn mực khác vẫn còn là cơ sở

cho tinh thần và đạo đức”... “Nói rộng hơn, tôn giáo đề cập đến những khu vực còn nguyên sơ trong kinh nghiệm con người, tức là những gì mà tri thức khoa học ngày nay chưa biết đến. Nói theo một nghĩa nào đó, tôn giáo có thể được xem như là một bộ phận phụ thêm của khu vực đã biết đến”. Ở một đoạn khác, Nehru viết tiếp: “Cuộc sống không phải bao gồm toàn những gì chúng ta nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy, tức là thế giới hữu hình đang biến đổi theo thời gian, không gian; nó còn liên tục tiếp xúc với một thế giới vô hình của các yếu tố khác, có thể bền vững hơn hoặc cũng biến đổi như vậy; và không một ai có trí suy xét lại có thể bỏ qua thế giới vô hình này” (J. Nehru, 1990). Cùng với quá trình phát triển

của lịch sử nhân loại, nhất là quá trình giao lưu văn hóa giữa các tộc người, đã dẫn đến một thực tế là ngày nay không có một tộc người nào trên thế giới lại không theo một tôn giáo nào. Đã nhiều lần người ta lên tiếng phê phán tôn giáo và cho rằng cùng với sự phát triển vượt bậc của khoa học, trình độ dân trí ngày một nâng cao, tôn giáo tự nó mất vai trò của mình trong đời sống xã hội, tôn giáo không còn nữa. Nhưng sự thật lại khác, khoa học vẫn phát triển, đời sống mọi mặt và dân trí của người dân ngày một nâng cao, mà tôn giáo lại không mất đi, thậm chí ở một số nơi tôn giáo có vai trò quyết định chi phối đến đời sống mọi mặt của một tộc người, thậm chí nhiều tộc người như trường hợp Trung Đông (Ngô Văn Lệ, 2012). Là một thành tố (component) văn hóa của một tộc người, tôn giáo đã góp phần làm phong phú văn hóa tộc người, có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình tộc người, bao gồm những quá trình phân ly (divergence) và những quá trình quy tụ (convergence).

Với tư cách là một thành tố rất quan trọng trong văn hóa của tộc người, nhất là ở những tộc người theo tôn giáo độc thần, tôn giáo có thể có nhiều chức năng như: chức năng phân biệt giữa các cộng đồng theo các tôn giáo khác nhau, chức năng về thế giới quan, chức năng giao tiếp, chức năng tích hợp xã hội, chức năng kiểm soát xã hội, chức năng hỗ trợ xã hội... Khi nghiên cứu về các tôn giáo của người Việt Nam Bộ ra đời cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chúng tôi quan tâm đến ba chức năng là: tích hợp xã hội, kiểm soát xã hội và hỗ trợ xã hội.

Đồng bằng sông Cửu Long, về phương diện hành chính, có 12 tỉnh và một thành phố trực thuộc trung ương, còn về thành phần tộc người, đây là nơi có nhiều tộc người sinh sống, nhưng chủ yếu có các tộc

người Việt, Khmer, Hoa, Chăm, theo các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Trong bối cảnh cụ thể đó, tôn giáo làm chức năng tích hợp xã hội được thể hiện rõ ràng, tạo nên sự cố kết cộng đồng của những người đồng tôn giáo. Bởi vì, mỗi tôn giáo dù là du nhập từ ngoài vào hay ra đời trong bối cảnh cụ thể của Nam Bộ, đều có giáo luật, giáo lý quy định các hành vi của từng tín đồ, chức sắc. Do đó, tôn giáo có giá trị, chuẩn mực của nó, làm nên sự khác biệt với những giá trị và chuẩn mực của các tôn giáo khác. Vì thế những người theo cùng một tôn giáo gắn bó với nhau hơn nhờ những giá trị và chuẩn mực đó. Điều đó cũng lý giải vì sao những người thuộc các thành phần tộc người khác nhau, nhưng theo một tôn giáo, người ta lại có khả năng khắc phục những trở ngại về ngôn ngữ, khi họ cùng có mặt tại một cơ sở tôn giáo.

Trong những vấn đề xã hội, nhiều khi chính yếu tố tôn giáo lại góp phần làm tăng thêm mâu thuẫn giữa các nhóm, giữa các tộc người thậm chí giữa các quốc gia. Những trường hợp như thế tôn giáo đã làm chức năng tích hợp xã hội. Ở đồng bằng sông Cửu Long chức năng tích hợp xã hội được thể hiện bằng việc gắn kết những người đồng đạo với nhau vì những người đồng đạo dễ đoàn kết và sống hài hòa, trong việc chăm lo đời sống, hỗ trợ những người gặp khó khăn. Chính những việc làm thiết thực đó đối với cộng đồng tín đồ một tôn giáo đã tạo nên tính kết dính, tích hợp giữa các tín đồ lại với nhau. Bên cạnh chức năng tích hợp xã hội, tôn giáo còn có chức năng kiểm soát xã hội. Các tôn giáo với nhiều hình thức biểu hiện niềm tin khác nhau, nhưng đều hướng về một cuộc sống vĩnh hằng của thế giới bên kia. Vì vậy các tín đồ thực hành nghiêm túc các giáo luật giáo lý, thúc đẩy tính tuân thủ xã hội và qua

đó duy trì sự ổn định. Có lẽ do chức năng kiểm soát xã hội đã chi phối đến những tín đồ cụ thể, nên ở những địa phương tập trung đông đảo tín đồ của một tôn giáo, thì an ninh trật tự xã hội có phần tốt hơn những nơi khác không có tình hình tôn giáo như vậy. Cuối cùng là chức năng hỗ trợ xã hội. Trong cuộc sống hàng ngày không phải ai cũng gặp những thuận lợi, không gặp bất trắc, mà trái lại, mỗi người mỗi hoàn cảnh, mỗi thân phận. Chính trong những lúc phải đối mặt với khó khăn, hiểm nguy, bệnh tật... của người thân hay chính mình, thì con người dễ bị tổn thương và cảm nhận thấy nhiều khó khăn, thấy cuộc sống vô nghĩa. Một khi con người rơi vào tình trạng như thế thì niềm tin tôn giáo giúp họ không rơi vào tuyệt vọng, giúp họ niềm tin để vượt qua khó khăn. Tôn giáo chính là một yếu tố tinh thần có sức mạnh giúp họ vượt qua.

Rõ ràng, tôn giáo có sức sống ngay cả khi nhân loại đạt được những thành tựu lớn lao trong lĩnh vực khoa học, vượt xa những hiểu biết trước đây về thế giới xung quanh. Nhìn trên bản đồ thế giới hiện nay, về những địa bàn phân bố các tôn giáo lớn (Phật giáo ở châu Á, Công giáo ở châu Âu, châu Mỹ, Islam ở Trung Đông, châu Phi), chúng ta dễ dàng nhận thấy có hàng tỷ người ở các nước là tín đồ của các tôn giáo khác nhau. Những thành tựu khoa học, nhất là trong lĩnh vực công nghệ sinh học, những hiểu biết ngày càng sâu rộng và toàn diện về cấu tạo vũ trụ, sự vận hành các quy luật tự nhiên, xã hội... sẽ giúp cho thấy được cái phi lý mà trước đây do thiếu hiểu biết mà tin vào. Sự phát triển của khoa học ngày càng giúp cho con người khắc phục được những trở ngại do thiên nhiên gây ra cho con người và kết quả này dẫn tới không còn chỗ đứng cho tôn giáo trong đời sống

xã hội. Mặc dầu vậy, tôn giáo vẫn không lui tàn như người ta nghĩ, mà trái lại, bên cạnh những tôn giáo truyền thống ngày càng phát triển mở rộng không chỉ số lượng mà cả không gian tồn tại (thí dụ như Islam), thì trong đời sống hiện nay đang xuất hiện những tôn giáo mới không chỉ ở một quốc gia, mà ở nhiều quốc gia trên thế giới (Đỗ Quang Hưng, 2001, Nguyễn Văn Minh, 2009).

Mối quan hệ giữa tôn giáo và phát triển dễ nhận thấy ở những cộng đồng cư dân có trình độ phát triển kinh tế, xã hội thấp, nhưng khi tiếp nhận tôn giáo mới đã có những thay đổi trong hoạt động kinh tế, trong tổ chức xã hội, trong chăm sóc y tế, trong giáo dục (thí dụ như người S'tiêng ở Bình Phước). Trong một bài viết gần đây của Vương Hoàng Trù có nhắc lại chuyện Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ đã sử dụng công việc khuyến nông để truyền đạo như “Trong hơn 2 tháng kể từ ngày 10 tháng 5 đến ngày 28 tháng 7 năm 1945, Giáo chủ đã đi nhiều địa phương để khuyến nông và truyền đạo. Trong đợt khuyến nông và truyền đạo này Giáo chủ có tới 107 buổi thuyết pháp trước đám đông. Nhờ tác động của các buổi thuyết pháp đã giúp cho người nông dân có nhiều sáng tạo trong sản xuất, đạt hiệu quả cao” (Vương Hoàng Trù, 2010). Những tư tưởng đó ăn sâu trong tiềm thức của các tín đồ Hòa Hảo, để rồi hôm nay, trong công cuộc xây dựng đất nước, những người nông dân – tín đồ Hòa Hảo đã biết vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp cũng như trong các hoạt động xã hội khác.

Là một thành tố văn hóa của một tộc người, tín ngưỡng tôn giáo không chỉ góp phần làm phong phú văn hóa, mà còn góp phần vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa của một tộc người. Trong quá trình mở cõi,

người Việt, một mặt, mang theo trong hành trang của mình những nền tảng văn hóa truyền thống, mặt khác, cũng tiếp nhận những thành tố văn hóa mới, do giao lưu tiếp xúc mà có. Quá trình đó diễn ra trong suốt chặng đường Nam tiến của người Việt kể từ đầu thế kỷ XIV (từ năm 1306) cho đến khi xác lập được chủ quyền tại vùng đất Nam Bộ vào giữa thế kỷ XVIII (năm 1757). Trên cơ tầng văn hóa Việt truyền thống, người Việt Nam Bộ, một mặt, thể hiện sự kế thừa đó rất sáng tạo, mặt khác, cũng thể hiện sự thích ứng trong môi trường tự nhiên và xã hội mới. Các tôn giáo như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Cao Đài, Hòa Hảo mang đậm nét văn hóa truyền thống, nhưng cũng lại có những nét được thể hiện rất Nam Bộ. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt được thể hiện trong trang phục, trang sức, trong truyền thống gia phong ở mỗi gia đình người Việt Nam Bộ gắn liền với tôn giáo họ tin theo. Mặt khác, sự đa dạng về tôn giáo ở một vùng, cũng được thể hiện trong sự đa dạng của các cơ sở thờ tự như ở đồng bằng sông Cửu Long. Có lẽ không có nơi nào ở Việt Nam có sự hiện diện đầy đủ của các loại hình kiến trúc tôn giáo như vùng đất này. Những cơ sở tôn giáo đó góp phần làm cho bức tranh văn hóa Nam Bộ thêm đa sắc màu. Cũng chính các cơ sở tôn giáo đó là nơi thể hiện niềm tin tạo nên sự kết dính giữa những người đồng đạo, nơi bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Có thể thấy các tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người Việt Nam Bộ. Không chỉ người Việt – cộng đồng đa số tại Nam Bộ – mà các cộng đồng cư dân khác như người Khmer, người Chăm, tuy theo và thực hành những tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, nhưng đều có điểm chung là chính các tôn giáo đã góp phần vào việc

bảo vệ bản sắc văn hóa trong bối cảnh cộng cư lâu dài. Trong quá trình cộng cư đó, một mặt, xảy ra quá trình giao lưu văn hóa, mà kết quả cuối cùng là hình thành những nét văn hóa chung, để các nhà khoa học khi phân chia các vùng văn hóa ở Việt Nam đã nhất trí coi Nam Bộ là một trong những vùng văn hóa, với những sắc thái riêng rất đậm nét. Mặt khác, chính các tôn giáo mà người Khmer, người Hoa, người Chăm tin theo lại làm nên những khác biệt so sánh trong văn hóa giữa các tộc người cùng cộng cư nơi đây.

*Phật giáo Nam tông* là tôn giáo của toàn cộng đồng có ảnh hưởng và chi phối đến mọi lĩnh vực đời sống cư dân từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần và đời sống chính trị của người Khmer Nam Bộ. Ở người Khmer hiện nay, bên cạnh cộng đồng Phật giáo Nam tông, còn có một bộ phận không nhiều người Khmer theo Công giáo và Tin Lành. Phật giáo là tôn giáo du nhập vào Campuchia, trước khi người Khmer di cư đến vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tại vùng đất mới, trong điều kiện cụ thể của đời sống cộng đồng, thì tuyệt đại bộ phận người Khmer ở Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông và Phật giáo Nam tông có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của họ. Với người Khmer, Phật giáo chi phối một cách sâu sắc trên các phương diện của đời sống như tôn giáo, giáo dục, văn học, nghệ thuật, tâm lý... Hầu như tất cả các phum, sóc (đơn vị cư trú trước đây, hiện nay hình thái cư trú không hoàn toàn như vậy) của người Khmer đều có một ngôi chùa làm trung tâm sinh hoạt cộng đồng và để các tín đồ đến làm lễ. Chùa không chỉ là nơi để tín đồ làm lễ, tổ chức các lễ hội tôn giáo, mà còn là nơi tổ chức các lễ hội cộng đồng của phum sóc không nằm trong hệ thống các lễ hội của Phật giáo. Ngôi chùa

tiếp nhận nam thanh thiếu niên trong phum, sóc vào tu học kể cả kiến thức khoa học như học chữ Khmer, học toán và trong những năm gần đây học cả kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, theo truyền thống của người Khmer. Ngôi chùa có thể xem là biểu tượng bản sắc văn hóa của người Khmer và cũng là biểu tượng của phum sóc. Vì ngôi chùa của người Khmer có một vị trí quan trọng trong đời sống của người, nên mọi thành viên trong cộng đồng đều có trách nhiệm đóng góp công sức, tiền bạc để xây dựng ngôi chùa sao cho khang trang. Đối với người Khmer thì việc đóng góp công sức, tiền của xây dựng hay trùng tu, sửa chữa là một việc làm hết sức có ý nghĩa cho cuộc sống hiện tại cũng như trong tương lai khi khuất núi. Có thể những đóng góp đó ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống vốn đã đạm bạc, nhưng người Khmer sẵn lòng đóng góp rất tự nguyện. Ngôi chùa còn là nơi bảo lưu và truyền dạy những giá trị văn hóa truyền thống và cũng là nơi diễn ra các sinh hoạt có liên quan đến cộng đồng. Người Khmer từ già đến trẻ, nam hay nữ, giàu hay nghèo sống trong phum, sóc họ vừa là một công dân và cũng là một phật tử, nên cuộc sống của họ luôn gắn bó với nhà chùa suốt cả đời mình. Quan niệm “sống gửi, thác về” đã chi phối đến lối sống, mong muốn để phúc đức cho đời sau, người Khmer luôn làm phúc, góp công, góp của phụng sự chùa chiền, xây dựng ngôi chùa khang trang, uy nghiêm trong từng phum, sóc.

Người Chăm là một trong 54 tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng với số lượng dân cư khiêm tốn (số liệu điều tra dân số ngày 1 tháng 4 năm 2009, dân số người Chăm là 161.729 người, chiếm 0,19% dân số cả nước). Người Chăm sinh sống ở chủ yếu ở Trung Bộ và Nam Bộ.

Dân số người Chăm ở Nam Bộ là 32.382 người, chiếm 20% dân số Chăm trong cả nước. Ngoài ra, hiện có một bộ phận người Chăm theo Islam sống tại Campuchia và có quan hệ qua lại với người Chăm Nam Bộ. Người Chăm Nam Bộ tuyệt đại bộ phận là tín đồ Islam. Hiện nay chưa có đầy đủ những cứ liệu để khẳng định rằng, người Chăm Nam Bộ, ngoài tin theo Islam còn theo một tôn giáo nào nữa không? Nhưng qua một bài viết về tình hình hôn nhân giữa người Chăm và người Khmer ở Trà Vinh (Lâm Quang Vinh, 2011) có thể suy đoán rằng, ngoài tin theo Islam, có thể có những người Chăm đã chuyển đổi đạo. Bởi vì, có một nhóm người Chăm từng sinh sống ở An Giang, nhưng do những biến động lịch sử họ đã chuyển về sinh sống ở Trà Vinh. Tại nơi ở mới, họ kết hôn với người Khmer ở Trà Vinh và có thể có một số người chuyển đạo, vì sau hôn nhân họ sống trong môi trường văn hóa của người Khmer. Tuy nhiên, chưa thể đưa ra một ý kiến khẳng định, do chưa có đủ những dữ liệu cần thiết.

Người Chăm Nam Bộ là những tín đồ ngoan đạo, thực hiện một cách nghiêm túc các bổn phận của một tín đồ (5 bổn phận của tín đồ Islam: 1) Xác tín; 2) Cầu nguyện hàng ngày; 3) Nhịn ăn ban ngày tháng 9 lịch Islam (Ramadan); 4) Bỏ thú; 5) Hành hương thánh địa La Meque). Trong đời sống hàng ngày của người Hồi giáo (Islam giáo) chi phối sâu sắc mọi mặt trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của họ. Hồi giáo giữ vai trò chủ đạo trong các mối quan hệ từ phạm vi cá nhân, gia đình, xóm ấp đến toàn cộng đồng. Người Chăm Islam ở Nam Bộ có một quan niệm cũng như một đời sống tinh thần hoàn toàn dựa vào đức tin Hồi giáo. Họ tin tưởng tuyệt đối vào sự cứu giúp của Allah về “ngày tận thế”, về ngày “phán xét cuối cùng” và thành tâm

thực hiện bốn phận của mình để Allah cứu giúp lên thiên đường trong ngày phán xét” (Phan Xuân Biên, 1991). Tôn giáo đã góp phần tạo nên sự cố kết cộng đồng. Ngoài ra, ở Nam Bộ người Chăm lại có khu vực cư trú riêng biệt, lại có cách ăn, cách mặc, cách sinh hoạt cũng khác so với các cộng đồng tộc người xung quanh. Mặt khác, cũng có thể do khác biệt tôn giáo (thực chất là khác biệt văn hóa) làm cho người Chăm Nam Bộ hạn chế giao tiếp với những người có khác niềm tin (khác biệt tôn giáo, khác biệt văn hóa). Tính cởi mở trong giao tiếp hiện đại tác động rất ít đến người dân trong cộng đồng Chăm Nam Bộ, thể hiện tính khép kín. Chính điều đó làm cho quá trình giao lưu tiếp xúc tộc người bị hạn chế. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tiếp nhận những giá trị mới (những tiến bộ khoa học công nghệ, những thành tố văn hóa mới như lối sống, kinh tế thị trường). Ở khía cạnh này sự khác biệt về tôn giáo giữa các cộng đồng dân cư đã dẫn đến hạn chế quá trình hội nhập. Mà một khi hội nhập bị hạn chế nó sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển và phát triển bền vững của cộng đồng.

Qua những gì chúng tôi trình bày về tác động và ảnh hưởng của tôn giáo đến sự phát triển của các tộc người có thể nêu lên những nhận xét gì trong bối cảnh cụ thể của các tộc người thiểu số Tây Nam Bộ? Rõ ràng Phật giáo Nam Tông và Islam đã thấm sâu vào từng hơi thở cuộc sống thường nhật của người Khmer và người Chăm Nam Bộ, làm nên một cách ứng xử trong bối cảnh của một xã hội lấy nông nghiệp trồng lúa nước cũng như hoạt động đánh bắt cá nước ngọt là hoạt động kinh tế chính của mình. Các hoạt động kinh tế khác ở hai cộng đồng cư dân này tuy có khác nhau (thủ công nghiệp, buôn bán hàng rong), nhưng

không đóng vai trò chi phối. Vì vậy, trong xã hội truyền thống, khi quan hệ tộc người còn giới hạn trong một không gian nhất định, các yếu tố văn hóa truyền thống đã giúp cho sự cố kết cộng đồng, tạo động lực phát triển.

Điều kiện tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long ở giai đoạn đầu cũng như trong quá trình khai phá, tuy có khắc nghiệt, nhưng về căn bản nguồn lợi mà thiên nhiên mang lại (như cá nước ngọt, lúa trời, các loại rau) đủ đảm bảo cho cuộc sống tối thiểu của cả một cộng đồng. Nhưng khi xã hội ngày một phát triển, nhu cầu cuộc sống ngày một tăng cũng là lúc nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày một cạn kiệt. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi con người phải có những thay đổi trong tổ chức đời sống, trong hoạt động kinh tế. Điều đó cũng đồng thời dẫn đến những thay đổi văn hóa. Đối với các cộng đồng cư dân không chịu những tác động sâu sắc của tôn giáo đến đời sống mọi mặt của họ, thì sự thay đổi cũng không dễ dàng (cư dân vùng ngoại thành trong quá trình đô thị hóa chẳng hạn). Còn đối với các cộng đồng cư dân theo tôn giáo độc thần, mà những tác động của các tôn giáo này đến đời sống của họ là rất lớn, thì sự thay đổi một nếp suy nghĩ mới thực sự là một thách thức. Trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế thị trường như là một xu hướng phát triển của hầu hết các quốc gia, thì ngoài sự cạnh tranh khốc liệt, còn là hướng tới giá trị thặng dư. Sản phẩm làm ra không chỉ hướng tới đáp ứng nhu cầu của một cộng đồng, mà còn hướng tới trở thành hàng hóa phục vụ một cộng đồng lớn hơn với mục tiêu lợi nhuận. Một tư duy, một lối sống không muốn buôn bán kiếm lời, một quan niệm "sống gửi, thác về", một nền sản xuất chỉ giới hạn phục vụ cộng đồng nhỏ truyền thống, đã dẫn đến những hạn chế

trong chiếm lĩnh thị trường, làm giảm đi sự cạnh tranh trong bối cảnh hiện nay. Điều này cũng có nghĩa là đã không tạo dựng được nền tảng cho một sự phát triển, nói chi đến phát triển bền vững.

Như trên đã trình bày, tôn giáo có nhiều chức năng trong đó có chức năng điều chỉnh xã hội hay chức năng kiểm soát xã hội. Chức năng kiểm soát xã hội được thể hiện qua những kinh sách, giáo luật giáo lý được truyền đạt đến các tín đồ. Mỗi tín đồ tùy theo chức phận của mình đều cố gắng thực hiện theo giáo luật, giáo lý hình thành nên những hành vi ứng xử trước các hiện tượng thiên nhiên và các mối quan hệ xã hội. Để rồi qua những thăng trầm của lịch sử, hình thành nên chuẩn giá trị, mà mỗi tín đồ có trách nhiệm thực hiện. Các tôn giáo ra đời ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều thể hiện tinh thần đó. Có thể thấy các tôn giáo, dù là những tôn giáo được du nhập từ ngoài vào hay những tôn giáo được ra đời trong bối cảnh cụ thể ở Nam Bộ, đã tạo ra một hệ thống chuẩn mực, những giá trị nhằm điều chỉnh hành vi của những con người có đạo. Những hành vi được điều chỉnh ở đây không chỉ là những hành vi trong thờ cúng mà ngay cả trong cuộc sống hàng ngày trong gia đình cũng như ngoài xã hội của người tín đồ. Vì thế, hệ thống chuẩn mực, giá trị trong lý thuyết đạo đức và xã hội mà tôn giáo đã tạo ra đã ảnh hưởng quan trọng đến mọi hoạt động của con người. Có lẽ vì vậy mà xu hướng “nhập thế” của các tôn giáo ở Nam Bộ được thể hiện rất rõ.

Ngược dòng thời gian, chúng ta thấy có hoạt động khai hoang do Đoàn Minh Huyền chủ xướng. Đây là một hình thức hoạt động đặc thù trong lối sống cũng như trong tư duy của người nông dân Nam Bộ tự khẳng định mình vươn lên bằng bàn tay

lao động của mình. Vào năm 1849, sau khi đã giúp người dân chữa bệnh, được người dân suy tôn là Phật Thầy Tây An, Đoàn Minh Huyền đã sử dụng pháp môn đưa Phật giáo vào đời sống bằng cách khai hoang, lập ấp, tạo cuộc sống an cư lạc nghiệp cho những người nông dân nghèo. Nhờ phong trào khai hoang lập ấp đã đem lại những thành quả cho người nông dân. Những trại ruộng ở Thới Sơn (huyện Tịnh Biên), Láng Linh (huyện Châu Thành) không chỉ là thành quả lao động, mà còn góp phần phát triển kinh tế ở những nơi khó khăn trong buổi đầu khai phá. Khi Pháp xâm lược Nam Bộ, một tôn giáo mới ra đời có kế thừa đường hướng “Học Phật, tu thân” của Bửu Sơn Kỳ Hương là Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Người sáng lập ra Tứ Ân Hiếu Nghĩa là Ngô Lợi, đã biết vận dụng Tứ đại trọng ân để khơi gợi lòng yêu nước của người dân trong bối cảnh đất nước bị xâm lược. Vào thời điểm đó, dưới ngọn cờ tôn giáo, Ngô Lợi đã tập hợp được lực lượng và nhận được sự hưởng ứng của nhiều người khác, hình thành căn cứ kháng Pháp. Có những căn cứ khá quy mô, là chỗ dựa cho phong trào chống Pháp, như Láng Linh – Bảy Thưa do Trần Văn Thành chỉ huy hay căn cứ Đồng Tháp Mười do Võ Duy Dương chỉ huy. Sau khi thực dân Pháp đàn áp các phong trào chống Pháp, những người sáng lập ra Tứ Ân Hiếu Nghĩa vẫn tiếp tục tinh thần chống ngoại xâm, thể hiện một tinh thần nhập thế rất tích cực (Đình Văn Hạnh, 1999).

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, mặc dù kẻ thù tìm mọi cách chia rẽ, gây hận thù dân tộc, nhưng những chức sắc và tín đồ Phật giáo là người Khmer vẫn một lòng theo Đảng và có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trong những năm sau giải phóng, các tôn giáo tham gia rất tích cực và có hiệu quả trong các hoạt động từ thiện xã hội, tham gia vào các hoạt động cứu trợ, chăm sóc người nghèo, giáo dục, y tế. Ở đồng bằng sông Cửu Long, tôn giáo nào cũng có những hoạt động từ thiện, trong đó nổi trội hơn cả có lẽ là Phật giáo Hòa Hảo. Trong một nghiên cứu gần đây về tôn giáo Nam Bộ đã được cộng bố của Phạm Bích Hợp, cho thấy hoạt động xã hội và những đóng góp của Phật giáo Hòa Hảo trong những năm từ 1999 đến 2005 là rất lớn (Phạm Bích Hợp, 2005). Các hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo gắn liền với đời sống của người tín đồ vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi có nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế, nhưng cũng không ít những bất trắc. Từ năm 1999 đến tháng 5 năm 2005, các hoạt động xã hội đã huy động được 34.440.666.729 đồng. Đây là một con số không nhỏ trong bối cảnh đời sống mọi mặt của người tín đồ còn nhiều khó khăn. Trong 2 năm từ 2004 đến tháng 5 năm 2005 số tiền huy động là 12.098.399.000 đồng bao gồm các hoạt động như nhà tình thương (695 ngôi); nhà tình nghĩa (24 ngôi); sửa chữa, cất mới cầu (193 chiếc); nâng cấp đường nông thôn (191.947m) (Phạm Bích Hợp, 2005).

Qua các số liệu đó cho thấy hoạt động xã hội của Phật giáo Hòa Hảo rất hiệu quả, mang lại lợi ích cụ thể cho cộng đồng, cá nhân. Xu hướng nhập thế của các tôn giáo ở Nam Bộ không phải chỉ được thể hiện trong bối cảnh hiện nay, mà nó đã được thể hiện ngay sau khi ra đời. Những hoạt động của các tín đồ Hòa Hảo gắn liền với việc khai hoang, với việc tham gia kháng Pháp, như là những minh chứng. Không chỉ có Phật giáo Hòa Hảo tham gia các hoạt động xã hội, mà các tôn giáo khác cũng tham gia các hoạt động xã hội và mang lại những hiệu quả xã hội lớn lao. Nếu chỉ giới hạn

trong xu thế nhập thế, thì các tôn giáo ở Nam Bộ trong hoạt động của mình có phần đa dạng hơn và hiệu quả hơn so với những hoạt động tương tự đó ở các tỉnh phía Bắc. Điều này cho thấy, hướng đi của các tôn giáo là có chọn lọc, loại bỏ cái không phù hợp, tiếp biến một cách chủ động những yếu tố mới nảy sinh trong đời sống tôn giáo, mặt khác kế thừa và phát triển các yếu tố tôn giáo truyền thống trong những điều kiện môi trường mới.

Là một thành tố rất quan trọng trong văn hóa tộc người, tôn giáo đều hướng con người tới cái thiện, loại bỏ cái ác. Với một tầm nhìn sâu sắc và hết sức khách quan, khoa học về tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là lòng yêu nước, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị đó" (Dẫn lại Đặng Nghiêm Vạn, 2002). Một nhận xét như vậy về tôn giáo đã nói lên một nét chung có tính tích cực của các tôn giáo. Chính vì thế mà tôn giáo có cơ sở xã hội để tồn tại như Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị đã xác định "tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài, nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội". Các

tôn giáo ở Nam Bộ có ảnh hưởng và tác động đến đời sống mọi mặt của các cộng đồng cư trong suốt chiều dài lịch sử, trong quá trình khai hoang lập làng, mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền, thực thi chủ quyền, xây dựng và bảo vệ những thành quả lao động của các cộng đồng dân cư. Những giá trị tôn giáo của các cộng đồng cư dân Nam Bộ – từ góc nhìn văn hóa – đã góp phần làm nên một nét riêng của một vùng văn hóa, thực hiện chức năng tích hợp xã hội, hỗ trợ xã hội và kiểm soát xã hội đáp ứng được nhu cầu tâm linh và xã hội của người nông dân Nam Bộ. Điều đó được minh chứng cụ thể, khi mà các "hiện tượng tôn giáo mới" xuất hiện nhiều nơi ở Việt Nam, nhưng ở Nam Bộ hầu như rất ít (Đỗ Quang Hưng, 2001; Nguyễn Văn Minh, 2009). Việc không xuất hiện các "hiện tượng tôn giáo mới" ở các cộng đồng cư dân Nam Bộ

trong giai đoạn hiện nay, một mặt, khẳng định các giá trị tôn giáo truyền thống đã có ảnh hưởng và chi phối đến đời sống xã hội, mặt khác, nói lên một thực tế là các tôn giáo hiện hữu đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của người dân. Người dân Nam Bộ không có nhu cầu tiếp nhận các tôn giáo mới cũng có nghĩa là các giá trị của các tôn giáo hiện hữu có vai trò định chuẩn trong đời sống tinh thần cũng như trong đời sống vật chất của người dân. Chính những giá trị văn hóa đó đã góp phần làm nên nét riêng của từng tộc người, xét từ góc độ văn hóa, làm cho bức tranh văn hóa Nam Bộ thêm phong phú, đa dạng. Điều đó như là một minh chứng khẳng định ảnh hưởng và tác động của các giá trị mà tôn giáo mang lại cho các cộng đồng cư dân Nam Bộ.

## **INFLUENCE AND IMPACT OF RELIGIOUS VALUES TO SOCIAL LIFE IN THE NAM BO REGION**

**Ngo Van Le**

*University of Social Sciences and Humanities  
Vietnam National University Ho Chi Minh City*

### **ABSTRACT**

*Religion is a cultural and social phenomenon. The religions were born in specific historical and social conditions. The larges communities receiving the religions have been mainly through exchanges and communication. Receiving religions is to receive new cultural values, contributing to the cultural enrichment of the community because every religion has its own canons and tenets for behaviors of dignitaries and devotees to the natural environment and the sociality where its devotees live. Over thousands of years, those behaviors have become a habit that makes its own cultural nuances. The Southern region in Vietnam is an area with many religions, including the world religions and the religions which were born in the specific context of the Southern area in the late XIX century and the early XX century. On the one hand, the indigenous religions (national religions) contribute to the abundance of Vietnamese culture. On the other hand, they are dominant to all aspects of the life of the people in the Southern region in Vietnam. Our article presents the influence and impact of religious values to social life in the southern region, including the communities living here.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Balaguskin, E.g., 1996, "Các tôn giáo mới với tính cách là hiện tượng văn hóa-xã hội và tư tưởng hệ", trong sách *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, NXB Khoa học xã hội.

- [2] Đặng Nghiêm Vạn, 2003, *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [3] Đinh Văn Hạnh, 1999, *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ*, NXB Trẻ.
- [4] Đỗ Quang Hưng, 2001, "*Hiện tượng tôn giáo mới*" *mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tôn giáo, số 5/2001.
- [5] Lang You Xing, 1995, *Thế tục hóa và tính khynch hướng của nó*, trong sách *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, NXB Khoa học xã hội.
- [6] Ngô Văn Lệ, 1994, "Bửu Sơn Kỳ Hương có phải là một tông phái Phật giáo hay không?" trong sách *Những vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Nam Bộ*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Ngô Văn Lệ, 1995, "Thử tìm hiểu nguyên nhân phát triển đạo Phật thời Trần", trong sách *Thiền học thời Trần*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- [8] Ngô Văn Lệ, 2008, "Các tôn giáo bản địa và ảnh hưởng của nó đến văn hóa người Việt Nam Bộ", Hội thảo *Việt Nam học* lần thứ ba, tháng 12 năm 2008.
- [9] Ngô Văn Lệ (chủ nhiệm đề tài), 2011, *Đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng cư dân Nam Bộ*, đề tài NCKH cấp Nhà nước trong *Đề án Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ* do VS.GS. Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam chủ nhiệm.
- [10] Ngô Văn Lệ, 2013, "*Cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Nam chống Mỹ – Diệm và xu hướng nhập thế trong bối cảnh hiện nay*", Bài viết tham gia Hội thảo khoa học *Năm mươi năm phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam (1963-2013)* tổ chức vào ngày 11 tháng 6 năm 2013.
- [11] Ngô Văn Lệ, 2013, "*Văn hóa các tộc người Á Rập – nhìn từ khía cạnh tôn giáo*", Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, số 2 (9)/2013.
- [12] Ngô Văn Lệ, 2013, "*Về tiếp cận hướng nghiên cứu tôn giáo mới*", Hội thảo khoa học quốc tế *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, tổ chức ngày 14 tháng 6 năm 2013 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh).
- [13] Nguyễn Văn Minh, 2009, "*Tổng quan về tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam*", Tạp chí Dân tộc học, số 6/2009.
- [14] Nguyễn Xuân Nghĩa, 1985, "*Vài nhận xét về các phong trào tôn giáo cứu thế ở đồng bằng sông Cửu Long ( từ cuối thế kỷ XIX đến trước năm 1975)*", Tạp chí Dân tộc học, số 2.
- [15] Phạm Bích Hợp, *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa (Bửu Sơn Kỳ Hương – Cao Đài – Hòa Hảo)*, NXB Tôn giáo.
- [16] Phan An, 2012, *Người Việt Nam Bộ*, NXB Từ điển Bách khoa.
- [17] Phan Lạc Tuyên, 1992, "Những đạo giáo ở Nam Bộ", trong kỷ yếu Hội thảo khoa học *Các giáo phái Phật giáo ở miền Nam Việt Nam*, Viện nghiên cứu Phật học tổ chức tháng 9 năm 1992.
- [18] Trần Hồng Liên, 1995, *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt Nam Bộ – Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*, NXB Khoa học Xã hội.